|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  **TỈNH BẮC KẠN**  Số: 23/2022/NQ-HĐND | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc Bắc Kạn, ngày 10 tháng 12 năm 2022 |

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Quy định mức phân bổ kinh phí ngân sách nhà nước**

**bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật**

**và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN  
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 11**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính Quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;*

*Căn cứ Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính Quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;*

*Xét Tờ trình số 200/TTr-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định mức phân bổ kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Báo cáo thẩm tra số 201/BC-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.**Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức phân bổ kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

**Điều 2.** **Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 17/2017/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn Quy định định mức phân bổ kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn khóa X, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2022./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **CHỦ TỊCH**  **Phương Thị Thanh** |

|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  **TỈNH BẮC KẠN** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc |

**QUY ĐỊNH**

**Mức phân bổ kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật**

**trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND*

*ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn)*

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức phân bổ kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan đến công tác lập dự toán, bố trí kinh phí, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

**Điều 2. Mức phân bổ kinh phí ngân sách nhà nước**

1. Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân các cấp

a) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh

| **STT** | **Nội dung** | | **Mức phân bổ**  **(đồng/dự thảo)** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Nghị quyết ban hành mới hoặc thay thế | Nghị quyết quy định các nội dung tại khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật | 30.000.000 |
| Nghị quyết quy định các nội dung tại khoản 2, khoản 3 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật | 27.000.000 |
| Nghị quyết quy định các nội dung tại khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật | 25.000.000 |
| 2 | Nghị quyết sửa đổi, bổ sung | Nghị quyết quy định các nội dung tại khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật | 24.000.000 |
| Nghị quyết quy định các nội dung tại khoản 2, khoản 3 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật | 21.000.000 |
| Nghị quyết quy định các nội dung tại khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật | 20.000.000 |

Trong trường hợp cùng một Nghị quyết mà quy định nội dung thuộc nhiều khoản tại Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng mức phân bổ cho Nghị quyết có nội dung quy định thuộc trường hợp có mức phân bổ cao nhất. Trường hợp Nghị quyết được ban hành mới hoặc thay thế theo trình tự, thủ tục rút gọn: 25.000.000 đồng/dự thảo; Nghị quyết sửa đổi, bổ sung theo trình tự, thủ tục rút gọn: 20.000.000 đồng/dự thảo.

b) Nghị quyết Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **S**  **TT** | **Nghị quyết** | **Cấp huyện**  **(đồng/dự thảo)** | **Cấp xã**  **(đồng/dự thảo)** |
| 1 | Nghị quyết ban hành mới hoặc thay thế | 15.000.000 | 10.000.000 |
| 2 | Nghị quyết sửa đổi, bổ sung | 12.000.000 | 8.000.000 |

2. Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân các cấp

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **S**  **TT** | **Quyết định** | **Cấp tỉnh**  **(đồng/dự thảo)** | **Cấp huyện**  **(đồng/dự thảo)** | **Cấp xã**  **(đồng/dự thảo)** |
| 1 | Quyết định ban hành mới hoặc thay thế | 20.000.000 | 10.000.000 | 8.000.000 |
| 2 | Quyết định sửa đổi, bổ sung | 16.000.000 | 8.000.000 | 6.000.000 |

**Điều 3. Kinh phí cho hoạt động thẩm định đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và thẩm định, thẩm tra dự thảo văn bản quy phạm pháp luật**

1. Kinh phí cho hoạt động thẩm định đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Tối đa 3.700.000 đồng.

2. Kinh phí cho hoạt động thẩm định, thẩm tra dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

a) Đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành mới hoặc thay thế: Tối đa 2.000.000 đồng; đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung: Tối đa 1.500.000 đồng.

b) Đối với dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành mới hoặc thay thế: Tối đa 2.000.000 đồng; đối với dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung: Tối đa 1.500.000 đồng.

c) Đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, dự thảo Quyết định của Uỷ ban nhân dân cấp huyện, cấp xã: Thủ trưởng cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định mức kinh phí thẩm định, thẩm tra trong định mức phân bổ cụ thể đối với từng loại văn bản quy phạm pháp luật tại Điều 2 Quy định này.

3. Kinh phí cho hoạt động thẩm định đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; thẩm định, thẩm tra dự thảo văn bản quy phạm pháp luật tại khoản 1, 2 Điều này nằm trong mức phân bổ kinh phí ngân sách nhà nước quy định tại Điều 2 Quy định này.

**Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện**

Nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành./.